

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-PT

Ngày 29/05/2018

“V/v: Tranh chấp Ly hôn và tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Tâm

Ông Đoàn Ngọc Thiện

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na- thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồ Điệp - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2018, về việc: “Tranh chấp Ly hôn và tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 15 /01/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2018; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh 1991 .Địa chỉ: Tổ 11, ấp 1, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(Có mặt)

2.Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh 1981 .Địa chỉ: Tổ 11, ấp 1, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(Có mặt)

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Năm 2010 bà L kết hôn với ông Nguyễn Văn H tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Bình, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau, ông H thường nhậu nhẹt không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Từ tháng 7/2017 cho đến nay vợ chồng đã ly thân nhau, hai bên không quan tâm gì với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày: 22/11/2011 và Nguyễn Nhật Phong, sinh ngày: 04/10/2014, hiện nay đang sống cùng với bà L. Nếu ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, gồm có:

+ 01 lô đất có diện tích 2.907m² thửa đất số 275, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại ấp 1, xã Hoà Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 828424 ngày 21/7/201 cho Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Văn H. Trên đất trồng tiêu.

+ 01 căn nhà cấp 4 A2 diện tích 119m² nền gạch Ceramic, mái tôn kẽm tường ốp gạch men + sơn nước, la phong tole kẽm + thạch cao. Mái hiên lợp tole, nền xi măng diện tích 41m², được xây dựng tại thửa đất trên.

+ 01 xe máy hiệu VISION biển số 72G1. 21356.

+ 01 xe máy hiệu Wave ALPHA, biển số 72H9-5025.

Bà L yêu cầu chia đôi tài sản chung mỗi người một nửa : Bà L yêu cầu được nhận 01 phần thửa đất số 275, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.156m² cùng 148 trụ tiêu trồng trên đất. (ký hiệu lô 2) và Xe máy hiệu Wave ALPHA, biển số: 72H9-5025. Ông H nhận 01 phần thửa đất số 275, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.751m² cùng 141 trụ tiêu trồng trên đất, căn nhà, mái hiên được xây dựng trên đất. (ký hiệu lô 1) và Xe máy hiệu VISION biển số: 72G1. 21356. (Ký hiệu lô 1, lô 2 theo sơ đồ bản vẽ ngày 16/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc) .

Nếu phân tài sản ai có giá trị lớn hơn thì người đó bù bằng tiền cho người có giá trị tài sản ít hơn.

Về nợ chung : Không có.

Tại các bản khai bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Quá trình dẫn đến hôn nhân đúng như bà L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nhưng vợ chồng lại thiếu thông cảm, chia sẻ với nhau nên hai bên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Có lúc không kiềm chế được ông H có đánh bà L. Vì vậy từ tháng 7/2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không quan tâm gì với nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý .

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày: 22/11/2011 và Nguyễn Nhật Phong, sinh ngày: 04/10/2014, hiện nay đang sống cùng với bà L. Nếu ly hôn ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Khoa, giao cháu Phong cho bà L nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung gồm có:

+ 01 lô đất có diện tích 2.907m² thửa đất số 275, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại ấp 1, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được UBND huyện cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 828424 ngày 21/7/2016 đứng tên Nguyễn Thị Mỹ L và Nguyễn Văn H. Trên đất trồng cây tiêu.

+ 01 căn nhà cấp 4A2 diện tích 119m² nền gạch Ceramic, mái tôn kẽm tường ốp gạch men, sơn nước, la phòng tole kẽm, thạch cao. Mái hiên lợp tole, nền xi măng diện tích 41m², được xây dựng tại thửa đất trên.

+ 01 xe máy hiệu VISION biển số 72G1. 21356.

+ 01 xe máy hiệu Wave ALPHA, biển số 72H9-5025.

Nếu ly hôn ông H đồng ý chia đôi tài sản chung mỗi người một nửa như sau: Ông H nhận 01 phần thửa đất số 275, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.751m² cùng 141 trụ tiêu trồng trên đất, căn nhà, mái hiên được xây dựng trên đất. (ký hiệu lô 1) và xe máy hiệu VISION biển số: 72G1. 21356. Bà L 01 phần thửa đất số 275, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.156m² cùng 148 trụ tiêu trồng trên đất. (ký hiệu lô 2) và Xe máy hiệu Wave ALPHA, biển số: 72H9-5025.

(Ký hiệu lô1, lô 2 theo sơ đồ bản vẽ ngày 16/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc).

Nếu phân tài sản ai có giá trị lớn hơn thì người đó bù bằng tiền cho người có giá trị tài sản ít hơn.

Về nợ chung : Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/HNGĐ-ST ngày 05/ 02/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tuyên xử:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 22/11/2011 và Nguyễn Nhật Phong, sinh ngày 04/10/2014.

Bà L được trực tiếp nuôi cả hai con là cháu Khoa và cháu Phong, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Ông H được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông H được sử dụng và sở hữu 01 phần của thửa đất 275, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.751m², trong đó có 75m² đất thổ cư và tài sản trên đất là: 141 trụ tiêu, 01 căn nhà xây diện tích 119m², mái tole diện tích 41m². (kí hiệu lô 1) và 01 xe máy hiệu Wave ALPHA, biển số: 72H9-5025.

Tổng giá trị tài sản ông H nhận là 579.749.053 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi ba đồng).

Bà L được sử dụng và sở hữu 01 phần của thửa đất 275, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.156m², trong đó có 75m² đất thổ cư và tài sản trên đất là: 148 trụ tiêu.

(kí hiệu lô 2) và 01 xe hiệu VISION biển số 72G1. 21356. (Ký hiệu lô 1, lô 2) theo sơ đồ vị trí ngày 16/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện X.

Tổng giá trị tài sản chi L nhận là: 244.808.000 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu một trăm L tám ngàn).

Ông H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L phần giá trị tài sản chênh lệch là 167.470.526 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng).

Ngoài ra còn tuyên về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 8/2/2018, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có quyết định kháng nghị số 141/QĐ-KNPT-VKS-DS sửa án sơ thẩm về phần án phí, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc bà L, ông H phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Bản án sơ thẩm không buộc bà L, ông H phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là còn thiếu sót theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xem xét quyết định kháng nghị:

Quyết định kháng nghị số 141/QĐ-KNPT-VKS-DS ngày 8/2/2018 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử Phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm số 06/HNGĐ-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện X theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung của quyết định kháng nghị: Đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc bà

L, ông Hồng phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. *Hội đồng xét xử thấy:*

Ngày 21/7/2017, bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H và yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Ngày 25/8/2017 tại biên bản hòa giải ông H, bà L đồng ý chia đôi tài sản chung, nhưng không thể hiện ai được nhận tài sản gì?

Ngày 3/10/2017, bà L có đơn yêu cầu Tòa án đo vẽ, định giá tài sản để chia. Sau khi có kết quả đo vẽ định giá, ngày 25/12/2017, tại biên bản hòa giải ông H và bà L thống nhất:

+Ông H nhận phần đất 1.751m² có nhà và cây (Lô 1) và xe máy Vision biển số 72G1- 21356.

+Bà L nhận phần đất 1.156m² không có nhà và 141 cây tiêu (Lô 2) và xe máy Wave Alpha biển số 72H9- 5025.

Người nào nhận tài sản giá trị nhiều hơn thì hoàn tiền lại cho người nhận tài sản có giá trị ít hơn.

Bản án số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 15/01/2018, không tuyên buộc bà L, ông H phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được chia là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án, quy định: "...Trường hợp tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định trước khi tòa án tiến hành hòa giải thì đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung...". Tại điểm đ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định: "...trước khi mở phiên tòa các đương sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng...thì được xem là các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án hòa giải trước khi mở phiên tòa và phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia.

Như vậy, vụ án này trong quá trình thu thập chứng cứ bà L đã yêu cầu Tòa án đi đo vẽ, định giá tài sản để chia và tại buổi hòa giải, công khai chứng cứ thì các đương sự mới thỏa thuận việc chia tài sản ai được tài sản nào? ai phải hoàn tiền chênh lệch giá trị tài sản trước khi mở phiên tòa. Kết quả Tòa án thực việc đo vẽ thẩm định, định giá đất tranh chấp có sơ đồ vị trí lô 1, lô 2 và có 141 cây tiêu và một số tài sản khác và định giá toàn bộ tài sản để rồi buộc ông Hồng phải trả cho bà L tiền chênh lệch về tài sản là 167.470.526 đồng. Do đó bà L, ông Hồng phải đóng tiền án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định tại điểm đ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Từ những phân tích và nhận định trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà L, ông H phải chịu tiền án phí về phần tài sản được chia là không

phù hợp với quy định tại điểm d, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí buộc bà L, ông H phải chịu án phí dân sự là: Tổng giá trị tài sản tranh chấp 824.557.053 đồng : 2 = 412.278.526 đồng = 20.000.000 đồng + (4% x 12.278.526 đồng = 491.141 đồng) = 20.491.141 đồng x 50% = 10.245.570 đồng. Do đó ông H, bà L mỗi người phải nộp 10.245.570 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về chi phí đo vẽ, định giá: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L 1.613.849 đồng (Một triệu sáu trăm mười ba ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng) chi phí đo vẽ, định giá.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án. Các đương sự không phải chịu.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 15/01/2018 của tòa án nhân dân huyện X, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 và Điều 227, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Văn H.

+Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

+Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 22/11/2011 và Nguyễn Nhật Phong, sinh ngày 04/10/2014.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn H được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của các con, Tòa án có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

**/Về tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:*

+Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 1.751m² thửa đất 275, tờ bản đồ số 44 (trong đó có 75m² đất thổ cư) và sở hữu tài sản trên đất gồm 141 trụ tiêu và 01 căn nhà (ký hiệu lô 1) theo sơ đồ vị trí lập ngày 16/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc và sở hữu 01 xe máy hiệu Wave ALPHA, biển số 72H9-5025.

+Bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền sử dụng diện tích đất 1.156m² thửa đất 275, tờ bản đồ số 44 (trong đó có 75m² đất thổ cư) và sở hữu tài sản trên đất gồm 148 trụ tiêu (ký hiệu lô 2) theo sơ đồ vị trí lập ngày 16/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc và sở hữu 01 xe hiệu VISION biển số 72G1.21356

+Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L phần giá trị tài sản chênh lệch là 167.470.526 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng).

(Kèm theo bản án là sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 16/11/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc).

+Về chi phí đo vẽ, định giá: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L 1.613.849 đồng (Một triệu, sáu trăm mười ba ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng).

+Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005350 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Bà L đã nộp đủ án phí.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H, mỗi người phải nộp số tiền là 10.245.570 đồng (Mười triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, năm trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng

còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 29/05/2018.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND H.X;
- TAND H.X;
- Chi cục THADS H.X;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

Trịnh Hoàng Anh